

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày 15-01-2020
V/v ly hôn, chia tài sản khi ly
hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khanh

Ông Nguyễn Văn Quyết

-Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Việt Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện
Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 213/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 về “ly hôn, chia tài sản khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L; trú tại: Thôn Mai Sơn, xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn Đ; trú tại: Thôn Mai Sơn, xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã Nh H, huyện V B do ông Trần Văn
Q1, Chủ tịch UBND xã đại diện. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn Q, trú tại: Thôn M S, xã Nh H, huyện V B, Hải Phòng

có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày: Bà và ông Phạm Văn Đ kết hôn với nhau năm 1976, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, nhưng giấy đăng ký kết hôn đã thất lạc. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát, ông Đ đánh đuổi bà ra khỏi nhà. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2018, không quan tâm đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Văn Đ.

Về con chung: Vợ chồng không có con đẻ, chỉ có 1 con nuôi là Phạm Văn Q, sinh ngày 02-10-1986. Hiện con đã trưởng thành bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 650 m² tại thửa số 399, 404; tờ bản đồ 08, thôn Mai Sơn, xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/3/1998 mang tên Phạm Văn Đ. Trên đất có 1 nhà 70m². Khi mới xây được móng nhà thì ông Đ đã đuổi mẹ con bà L ra khỏi nhà. Tổng trị giá 600.000.000 đồng. Con Phạm Văn Q có công sức đóng góp xây dựng căn nhà này.

Năm 2003 vợ chồng có thuê của UBND xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo 126m² đất ở khu vực ven Quốc lộ 10, xã Nhân Hòa; thời hạn thuê là 20 năm. Vợ chồng đã xây dựng 3 gian nhà cấp 4; 3 gian nhà mái bằng có 2 gian 2 tầng. Trị giá xây dựng là 400.000.000 đồng. Trong khối tài sản này có sự góp tiền và công sức của con Phạm Văn Q.

Bà yêu cầu: Đối với tài sản là đất ở và nhà ở trích chia cho anh Phạm Văn Q 50.000.000 đồng giá trị công trình xây dựng trên đất ở, đất thuê và công lập nền đất thuê còn lại chia đôi. Bà xin nhận một phần đất trong khối tài sản tại thôn Mai Sơn và nhà ở tại khu đất thuê của UBND xã Nhân Hòa còn lại nhà ở và công trình phụ và phần đất còn lại tại thôn Mai Sơn, xã Nhân Hòa giao cho ông Phạm Văn Đ. Bà không yêu cầu ông Phạm Văn Đ phải trả chênh lệch tài sản cho bà.

Bị đơn ông Phạm Văn Đ xác nhận về thời gian, hoàn cảnh chung sống như bà L trình bày là đúng nhưng vợ chồng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có con đẻ, bà L có quan hệ ngoại tình. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 02 năm 2018, không quan tâm đến nhau. Nay bà L xin ly hôn, ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Phạm Văn Đ xác nhận về con như bà L trình bày là đúng. Con nuôi hiện nay đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Diện tích đất 650m² đất ở mang tên ông, trên đất có 1 nhà mái bằng bê tông cốt thép là của riêng ông. Diện tích đất 126m² ông thuê của UBND xã Nhân Hòa, trên đất có nhà ở và công trình phụ là của riêng ông. Ông không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh đó là tài sản riêng của ông mà chỉ căn cứ vào thực tế. Ông Đ xác nhận anh Q có một phần công sức góp vào xây nhà trên đất ở, trên đất thuê và san lấp mặt bằng trên đất thuê. Ông không đồng ý chia tài sản cho bà L và anh Q.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Nh H ,huyện V B (UBND) do ông Trần Văn Q1, Chủ tịch UBND xã đại diện trình bày: Ngày 16 tháng 02 năm 2003 UBND xã Nhân Hòa có cho vợ chồng ông Phạm Văn Đ thuê 126m² tại thửa 610 tờ bản đồ 08 xã Nhân Hòa để phát triển kinh tế; gia đình ông Đ đã xây nhà kiên cố trên đất thuê, UBND xã Nhân Hòa đã lập biên bản đình chỉ nhiều lần. Nay UBND xã Nhân Hòa đề nghị khi hết thời hạn thuê thì gia đình ông Phạm Văn Đ phải tháo dỡ công trình trả lại đất thuê cho UBND xã theo hợp đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn Q trình bày: Anh là con nuôi của vợ chồng ông Phạm Văn Đ bà Vũ Thị L. Khi vợ chồng bà Vũ Thị L, ông Phạm Văn Đ làm nhà trên đất thuê anh có công sức đóng góp để làm nhà như san lấp mặt bằng, đóng gạch ba banh, phụ xây công trình và góp cho ông Đ 3.000.000 đồng; khi xây nhà trên đất ở anh có công sức chở gạch, dỡ công trình cũ, làm móng công trình mới nên nay ông Đ, bà L ly hôn anh đề nghị được trích chia 10% giá trị công trình trên đất ở, công trình trên đất thuê và công san lấp mặt bằng trên đất thuê.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập chứng cứ cũng như các hoạt động tố tụng khác. Nguyên đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành nghiêm yêu cầu của Tòa án về việc cung cấp chứng cứ và các hoạt động tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn chấp hành chưa nghiêm. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27, 89, 91,95, 97 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 về thi hành Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 xử cho bà Vũ Thị L được ly hôn với ông Phạm Văn Đ. Về con chung: Vợ chồng có 1 con nuôi là anh Trần Văn Q sinh ngày 02-10-1986 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết, không xét giải quyết. Về tài sản: Trích chia cho anh Phạm Văn Q 10% giá trị công trình trên đất ở và công

trình và công san lấp mặt bằng trên đất thuê là 37.500.000 đồng còn lại chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Thị L giao cho bà L được nhận và sở hữu toàn bộ công trình xây dựng và công san lấp mặt bằng trên đất thuê; được sử dụng 122m² đất ở tại thửa số 399, 404; tờ bản đồ 08, thôn Mai Sơn, xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo và toàn bộ cây trồng và 31,6 m tường bao trên 122m² đất này. Ông Phạm Văn Đ được sở hữu nhà ở và công trình phụ, cây trồng trên phần đất 528m² đất ở còn lại. Ông Phạm Văn Đ phải trả tiền trích chia cho anh Phạm Văn Q và ông Đ không phải trả tiền chênh lệch tài sản cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Phạm Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án ly hôn và tranh chấp tài sản chung giữa bà Vũ Thị L và ông Phạm Văn Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Ông Phạm Văn Đ và UBND xã Nhân Hòa hai lần vắng mặt tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Phạm Văn Đ và UBND xã Nhân Hòa.

[2]. Về quan hệ vợ chồng: Quan hệ vợ chồng giữa bà Vũ Thị L và ông Phạm Văn Đ phát sinh từ năm 1976, bà L khai có đăng ký kết hôn nhưng giấy đăng ký kết hôn bị thất lạc; ông Đ khai vợ chồng không đăng ký kết hôn. Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Nhân Hòa thì giai đoạn năm 1976 đến năm 1980 UBND không còn lưu trữ sổ đăng ký kết hôn. Do vậy không có căn cứ để xác định bà Vũ Thị L và ông Phạm Văn Đ có đăng ký kết hôn nhưng căn cứ Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 về thi hành Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 thì quan hệ vợ chồng giữa ông Phạm Văn Đ và bà Vũ Thị L là hôn nhân thực tế. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nay hai bên đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà L yêu cầu được ly hôn, ông Phạm Văn Đ cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó có căn cứ để xử cho bà Vũ Thị L được ly hôn ông Phạm Văn Đ theo Điều 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung (con nuôi) là Phạm Văn Q sinh ngày 02-10-1986, con chung đã đủ 18 tuổi, hai bên không yêu cầu giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Bà Vũ Thị L trình bày về tài sản chung là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ bởi: Vợ chồng kết hôn năm 1976, năm 1978 vợ chồng được cấp đất ở; năm 1998 được UBND xã Nhân Hòa làm thủ tục trình UBND huyện Vĩnh Bảo cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 610m² tại thửa số 399, 404; tờ bản đồ 08, thôn Mai Sơn, xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo; vợ chồng đã xây dựng nhà ở cấp 4 sống ở đây. Theo Hợp đồng thuê đất ký giữa hộ ông Phạm Văn Đ với UBND xã Nhân Hòa thì vợ chồng thuê của UBND xã Nhân Hòa 126m² đất để phát triển kinh tế gia đình; vợ chồng đã xây 1 nhà cấp 4, 1 nhà 2 tầng bê tông cốt thép. Ông Phạm Văn Đ, bà Vũ Thị L thống nhất tính giá trị san lấp đất trên đất thuê là 15.000.000 đồng. Ông Phạm Văn Đ cho rằng tất cả tài sản là của ông nhưng ông không có chứng cứ, tài liệu để chứng minh tài sản đó là của riêng mình trong khi những tài sản này hình thành trong thời kỳ hôn nhân; nên đủ cơ sở kết luận nhà, đất ở tại thửa số 399, 404; tờ bản đồ 08, thôn Mai Sơn, xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo và tài sản trên đất thuê của UBND xã Nhân Hòa là tài sản chung của vợ chồng bà Vũ Thị L và ông Phạm Văn Đ. Theo Phòng Tài nguyên và môi trường huyện Vĩnh Bảo cho biết 40m² đất vượt so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; đất này không nằm trong quy hoạch, không có tranh chấp, vợ chồng đã ở ổn định lâu dài, khi đo để cấp giấy chứng nhận có sai số và đề nghị Tòa công nhận số đo thực tế. Do vậy xác định vợ chồng có 650m² đất ở.

Về giá trị: Bà Vũ Thị L và ông Phạm Văn Đ không thống nhất được giá của các tài sản còn lại. Hội đồng định giá đã kết luận tổng giá trị đất ở và vật kiến trúc, cây cối của vợ chồng là 1.358.285.000 đồng (trong đó trị giá đất ở thôn Mai Sơn, Nhân Hòa là 975.000.000 đồng; tài sản và vật kiến trúc trên đất này là 219.749.222 đồng; phần cây cối có giá trị là 23.198.000 đồng; tài sản và vật kiến trúc trên đất thuê ở thôn Hưng Cường, xã Nhân Hòa là 140.337.800 đồng), hai bên nhất trí giá do hội đồng định giá đã định giá. Tổng giá trị tài sản và công san lấp mặt bằng là 1.373.285.000 đồng.

Về công sức đóng góp: Ông Phạm Văn Đ là người có nhiều công sức. Nhà ở trên đất ở ông Phạm Văn Đ một mình xây dựng công trình từ mặt móng trở lên đến hoàn thành nên ông Phạm Văn Đ được chia phần nhiều hơn bà Vũ Thị L. Khi ông Đ, bà Vũ Thị L xây dựng công trình trên đất thuê và xây nhà ở trên đất ở anh Phạm Văn Q đã hơn 18 tuổi, có lao Đng, có thu nhập, có công sức đóng góp vào khối tài sản chung của vợ chồng ông Phạm Văn Đ, bà Vũ Thị L nên cần trích chia cho anh Phạm Văn Q khoảng 10% giá trị các công trình xây dựng và công san lấp mặt bằng trên đất thuê. Số tài sản còn lại chia cho ông Phạm Văn Đ nhiều

hơn bà Vũ Thị L là phù hợp; tại phiên tòa bà Vũ Thị L chỉ nhận và sở hữu nhà ở và công trình phụ trên đất thuê khi nào UBND xã Nhân Hòa yêu cầu tháo dỡ thì bà L sẽ tháo dỡ trả đất cho UBND xã Nhân Hòa và được sử dụng 1 lô đất phía sau nhà ở mới xây, còn lại giao cho ông Đ sở hữu và sử dụng mà không yêu cầu ông Phạm Văn Đ phải trả chênh lệch tài sản. Xét yêu cầu của bà Vũ Thị L là tự nguyện, phù hợp cần được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bà Vũ Thị L là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí ly hôn và án phí chia tài sản cho bà Vũ Thị L. Ông Phạm Văn Đ, anh Phạm Văn Q phải chịu án phí dân sự về chia tài sản theo quy định của pháp luật. UBND xã Nhân Hòa không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 27, 89, 91, 95, 97 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a, khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 về thi hành Luật Hôn nhân gia đình năm 2000.

Căn cứ Điều 147, 228, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 6, Điều 12, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho bà Vũ Thị L được ly hôn ông Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Văn Q sinh ngày 02-10-1986, con chung đã đủ 18 tuổi, hai bên không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Xử trích chia cho anh Phạm Văn Q 10% giá trị công trình xây dựng là 37.500.000 đồng.

Xử giao cho bà Vũ Thị L được nhận và sở hữu toàn bộ vật kiến trúc trên 126m² đất thuê của UBND xã Nhân Hòa tại thửa 610 tờ bản đồ 08 xã Nhân Hòa và tiền san lấp trị giá 155.337.800 đồng. Giao cho bà Vũ Thị L được sử dụng 122 m² đất tại thửa số 399, 404; tờ bản đồ 08, thôn Mai Sơn, xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo (có sơ đồ kèm theo) trị giá 183.000.000 đồng; 31,6 m tường bao trị giá 2.853.000 đồng và 3 cây mít to, 3 cây mít nhỏ, 238 cây đinh lăng, 2 cây nhãn, 12 cây cau trồng trên diện tích đất trên trị giá 17.771.000 đồng. Tổng tài sản bà Vũ Thị L được nhận là 358.961.800 đồng.

Xử giao cho ông Phạm Văn Đ được sử dụng 528m² đất theo sơ đồ kê trên trị giá 792.000.000 đồng; được sở hữu 1 nhà 3 gian bê tông cốt thép trị giá

189.732.000 đồng và công trình phụ, tường bao trị giá 27.164.200 đồng; 02 cây mít to, 16 cây cau, 02 cây dừa, 01 cây xoan, 11 cây chè xanh, 04 cây hòe, trị giá 5.427.000 đồng trên diện tích 528m² đất; tổng trị giá tài sản ông Phạm Văn Đ được nhận là 1.014.323.200 đồng. Ông Phạm Văn Đ phải trả cho anh Phạm Văn Q tiền trích chia tài sản là 37.500.000 đồng. Ông Đ được hưởng 976.823.200 đồng, không phải trả chênh lệch tài sản cho bà L.

4. Án phí: Miễn án phí ly hôn và án phí chia tài sản cho bà Vũ Thị L. Hoàn lại cho Bà L 21.300.000 đồng đã nộp tạm ứng tại biên lai thu số 01125 ngày 08-8-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo. Anh Phạm Văn Q phải chịu 1.875.000 đồng án phí chia tài sản. Ông Phạm Văn Đ phải chịu 41.304.700 đồng án phí chia tài sản. UBND xã Nhân Hòa không phải chịu án phí.

Nguyên đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- THADS huyện Vĩnh Bảo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Văn Vinh